

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2026/QĐST- DS

Quảng Trị, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026;

Xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 225/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần MBN J (J); địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Central P, số 219 phố Trung K, phường Yên H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ; đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị H và ông Đào Tùng L – Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Tầng 3 V, số 108 Trần Hưng Đ, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị.

2. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V); địa chỉ: Tòa V Tower, số 89 Láng H, phường Đồng Đ, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý tích hợp 2; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Vũ L, địa chỉ: Tầng 2 V, số 59 Tố H, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Đặng Hữu M, sinh năm 1988 và bà Trần Ngọc Như P, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 78 Hà Huy T, TDP 2, phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1964 và ông Đặng Hữu Q, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 78 Hà Huy T, TDP 2, phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2411124276156 ký ngày 16/11/2024 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/08/2023 ký giữa ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V); căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 37/2025/VPB-JUPITER ngày 26/09/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) với Công ty Cổ Phần MBN J thì V đồng ý bán và Công ty Cổ Phần MBN J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P, cụ thể (Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2411124276156 ký ngày 16/11/2024 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/08/2023):

Về tiền gốc và lãi:* Tính đến ngày 24/3/2026, tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P tại V và J là **1,223,678,762 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 1,061,671,147 đồng, Nợ lãi và Phạt chậm trả lãi: 162,007,615 đồng); Cụ thể:

+ Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P tại J tính đến ngày 24/03/2026 là: 1,162,494,824 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 1,008,587,590 đồng, Nợ lãi và Phạt chậm trả lãi: 153,907,234 đồng);

+ Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P tại V tính đến ngày 24/03/2026 là: 61,183,938 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 53,083,557 đồng, Nợ lãi và Phạt chậm trả lãi: 8,100,381 đồng).

** Các bên đã thống nhất phương án và thời gian trả nợ cho Công ty Cổ Phần MBN J và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V như sau:*

Đến hết ngày **20/4/2026**, bị đơn ông Đặng Hữu M, bà Trần Ngọc Như P phải trả cho V và J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên. Kể từ ngày **25/3/2026**, V và J được tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày thực tế ông Đặng Hữu M, bà Trần Ngọc Như P thực tế thanh toán hết nợ cho V và J.

- Trường hợp ông Đặng Hữu M, bà Trần Ngọc Như P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, J và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Jupiter và/hoặc V theo Hợp đồng thế chấp số 8942 ký ngày 21/10/2022 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh X; Hợp đồng sửa đổi, bổ

sung Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ ký ngày 16/11/2024 giữa Bà Hoàng Thị L, ông Đặng Hữu Q và V. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 425, tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ: Thôn Tuy L, xã Lộc T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn Tuy L, xã Lệ T, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 134982, số vào sổ cấp GCN: CH01757 do Ủy ban Nhân dân huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/04/2017, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Hoàng Thị L và ông Đặng Hữu Q.

+ Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ: Thôn Tuy L, xã Lộc T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn Tuy L, xã Lệ T, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 134981, số vào sổ cấp GCN: CH01756 do Ủy ban Nhân dân huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/04/2017, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Hoàng Thị L và ông Đặng Hữu Q.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, J và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đặng Hữu M, bà Trần Ngọc Như P để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

**Về án phí:* Áp dụng khoản 3, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành với số tiền là **24.355.181 đồng**. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) và Công ty cổ phần MBN J (J) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) số tiền tạm ứng án phí là: **1.401.886 đồng** (Viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002248, ký hiệu: BLTU/25E ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần MBN J (J) số tiền tạm ứng án phí là: **21.981.498 đồng** (Viết bằng chữ: Hai mươi một triệu chín trăm tám mươi một nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002247, ký hiệu: BLTU/25E ngày 10 tháng 12 năm 2025.

**Về chi phí tố tụng:* Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận ông Đặng Hữu M, bà Trần Ngọc Như P tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ trong vụ án là 6.200.000 đồng; Công ty Cổ phần MBN J đã nộp tạm ứng chi phí

thẩm định nên ông Đặng Hữu M và bà Trần Ngọc Như P phải hoàn trả toàn bộ số tiền 6.200.000 đồng cho Công ty Cổ phần MBN J.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực I – Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa